

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

2. Ông Nguyễn Văn Luân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **525/2022/TLST-HNGĐ** ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Cao D, sinh năm 1982. Địa chỉ cư trú: Số 118 B/1, đường Nguyễn Trung Trực, Khu phố 8, thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hồng N, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: Ấp Kênh Ny, xã Bình Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An (có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/8/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Cao D trình bày: Ông và bà Võ Thị Hồng N quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 24/8/2009. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Từ đó đến nay vợ chồng không sống chung nhà, không liên lạc. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nên ông D yêu cầu ly hôn với bà N. Về con chung, có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 08/10/2009, hiện đang sống chung với bà N. Ông D yêu cầu bà N nuôi con chung, ông D không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Hồng N trình bày: Bà N xác định thời gian chung sống, điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như

ông D trình bày là đúng. Nay ông D xin ly hôn, bà N đồng ý. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm nên bà N đồng ý ly hôn với ông D. Về con chung, có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 08/10/2009, hiện đang sống chung với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng ông D yêu cầu Tòa án không hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông D và bà N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Cao D khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Hồng N. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phan Cao D và bị đơn bà Võ Thị Hồng N đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà N, xét thấy:

[3.1] Bà N và ông D quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 24/8/2009, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 146, quyển số 01/2009. Xác định quan hệ hôn nhân giữa ông D và bà N là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống. Từ đó đến nay, vợ chồng đã không còn sống chung nhà, không liên lạc. Ông D và bà N đều có nguyện vọng được ly hôn. Vì vậy, căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của bà N và ông D.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 08/10/2009, hiện đang sống chung với bà N. Ông D đồng ý giao con chung cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Đ cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: bà N không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà N nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông D và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Ông D và bà N phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Cao D với bà Võ Thị Hồng N.

2. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phan Cao D với bà Võ Thị Hồng N.

3. Về nuôi con chung: Có 01 con chung tên Phan Minh Đ, sinh ngày 08/10/2009. Giao cho bà Võ Thị Hồng N tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Đ. Ông Phan Cao D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Phan Cao D và bà Võ Thị Hồng N mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông D được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012248, ngày 25/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Hoàn trả ông Phan Cao D số tiền 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

5. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Lệ Thu**